

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 281/2023/HSPT

Ngày: 28-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Các Thẩm phán: 1. Ông Phan Thanh Nguyễn.
2. Ông Ngô Đức Thụ.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Viễn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 278/2023/TLPT-HS ngày 07 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Hoàng M, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 101/2023/HSST ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Hoàng M**, sinh năm 1988 tại tỉnh Vĩnh Long; Nơi ĐKKHKT: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang; Chỗ ở hiện nay: Số G, Đường H, Tổ B, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị V1; Chồng là Đặng Phương T (bị cáo trong vụ án) và có 02 con, đứa lớn nhất sinh năm 2012, đứa nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giam từ ngày 23/9/2022 đến ngày 01/03/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn với Đặng Phương T, nên khoảng 21 giờ 30 ngày 12/9/2022, Nguyễn Tuấn T1 điện thoại, hẹn đánh nhau với Đặng Phương T thì T đồng ý. T1 liền điều khiển xe mô tô chở C chưa rõ lai lịch mang dao tự chế đến nhà của T tại số G,

Tổ B, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và dùng tay, chân đập mạnh vào cửa nhà, gọi T ra đánh. Nhưng lúc này Đặng Phương T cùng với Nguyễn Thị Hoàng M, Thạch N, Nguyễn Duy T2 và P, T3, Ú, V2 chưa rõ lai lịch đang ngồi nhậu tại nhà của T thuê ở Thành phố T, tỉnh Bình Dương nên T1 và C đi về nơi làm việc của T1, tại tiệm S số E đường H, tổ D, Khu phố C, phường T, Quận A Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, T1 gặp Lê Minh V3 và nói V3 về nhà lấy dao chuẩn bị đánh nhau với T thì V3 điều khiển xe đi mô tô về nhà tại số E, Ấp D, xã N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh lấy 01 dao tự chế dài khoảng 60cm quay lại tiệm S.

Sau khi Nguyễn Tuấn T1 và C bỏ đi thì mẹ của T điện thoại cho T nói có người đến đập cửa nhà, T mở camera ra xem thấy T1 và C đập nên bảo Nguyễn Thị Hoàng M về nhà xem thế nào. Sợ bị T1 đánh nên M nói với Thạch N và Nguyễn Duy T2 chuẩn bị hung khí để đi cùng với M thì T2 và N đồng ý. Ngon còn rủ thêm P và T3, mỗi người cầm theo 01 con dao tự chế, còn T2 thì chạy xe về nhà lấy 02 dao tự chế và 01 gậy bóng chày bằng kim loại mang đến. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì Nguyễn Thị Hoàng M điều khiển xe mô tô chở P, N và T3 cầm các loại hung khí đi về nhà, đến nơi thì không còn T1 và C nên M chở P, N và T3 đi đến tiệm S để tìm T1. Không tìm được T1 nên P cầm dao mang theo chém vào thùng xe ba gác máy để tại tiệm S, làm cho Lưu Minh V4, Huỳnh Ngọc T4 và C bỏ chạy. Sau đó, Nguyễn Thị Hoàng M điều khiển xe mô tô chở P, N và T3 quay về nhà, vừa lúc này Nguyễn Duy T2 cũng đi xe mô tô đến và cùng với nhóm của M về lại nhà của T tại số G, Tổ B, Khu phố B, phường T, Quận A. Khi đến cầu P thì M nhìn thấy T cùng V4 và Ú đang đứng trước nhà cùng chiếc xe ô tô, biết T chuẩn bị đi đánh T1 nên M điều khiển xe mô tô chở N cầm dao tự chế quay lại tiệm S. Cùng lúc này T cũng điều khiển xe ô tô chở V4 và Ú mang theo dao tự chế, T2 thì điều khiển xe mô tô chở P và T3 cầm theo gậy bóng chày và dao tự chế cùng nhau đến tiệm S để đánh nhóm của T1. Lúc này T1 và Lưu Minh V4 đang ở tiệm S thấy M chở N cầm theo hung khí dừng trước tiệm nên T1 vào trong lấy 01 khẩu súng không có đạn, loại vũ khí thể thao chỉ vào người N, còn N thì cầm dao tự chế lao vào giằng co đánh nhau với T1. Quá trình đánh nhau, N dùng dao tự chế chém trúng 01 cái vào bụng T1; Lưu Minh V4 cầm dao xông vào đánh N, N bỏ chạy ra đường thì bị V4 dùng dao rượt theo chém 01 cái trúng vào lưng; N tiếp tục bỏ chạy thì V4 và T1 đuổi theo, khi N bị té xuống đường thì V4 dùng dao chém 01 cái trúng vào gót chân phải của N; Mỹ Nhật tút-tơ-vít trước tiệm sửa xe chạy đến đâm trúng vào vùng bụng bên trái của T1 một cái; T1 chạy vào tiệm sửa xe Hoàng T5 đưa súng cho Huỳnh Ngọc T4 cất giữ và lấy 01 ống tuýp bằng kim loại màu trắng do T4 đưa quay ra đánh N và M. Nhưng T4 vừa ra thì thấy T, V4, Ú, Nguyễn Duy T2, P và T3 cầm theo dao đi đến thì T1 và Lưu Minh V4 chạy vào tiệm S trốn, nên nhóm của Đặng Phương T cầm dao đứng trước đường chửi mắng, la hét và dùng dao chém vào dây máy bơm hơi để trước tiệm, sau đó cả nhóm bỏ về.

Theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số 934/TgT.22 ngày 16/11/2022 của Trung tâm pháp y Thành phố H thì tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương

tích gây nên hiện tại của Nguyễn Tuấn T1 là 03%. Thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn tác động gây ra.

Theo Kết luận giám định pháp y về thương tích số 1032/TgT.22 ngày 21/12/2022 của Trung tâm pháp y Thành phố H thì tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của Thạch N là 02%. Thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn tác động gây ra.

Trong quá trình điều tra Nguyễn Tuấn T1 và Thạch N đều làm đơn bãi nại, không yêu cầu xử lý hình sự về hành vi gây thương tích cho T1 và N, nên Cơ quan điều tra ra quyết định không khởi tố vụ án “Cố ý gây thương tích”.

Theo Kết luận giám định số 5745/KL-KTHS ngày 14/10/2022 của Phòng K Công an T8 thì khẩu súng do Nguyễn Tuấn T1 sử dụng không phải là vũ khí quân dụng, khẩu súng trên có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí thể thao, nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở khởi tố Nguyễn Tuấn T1 về tội “Tàng trữ vũ khí quân dụng”.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu WANGGUAN WG110, biển số: 53Y3-7450, số máy: 1P52FMH99103759, số khung: LWGXCHL05X1100406 là phương tiện gây án. Thu giữ của Nguyễn Tuấn T1. Đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp Trần Xuân M1.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, biển số: 61D1-209.25, số máy: 5C64-167270, số khung: RLCS5C6409Y167247 là phương tiện gây án thu giữ của Lưu Minh V4. Đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp Nguyễn Thị H (BL 679).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION, biển số: 68M1-276.12, số máy: JF66E0808590, số khung: RLHJF5814GY566073 là phương tiện gây án thu giữ của Thạch N. Đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp Nguyễn Phương T6.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI SATRIA, biển số: 86B8-182.18, số máy: không có (bị mài mất số), số khung: MH8DL11AZJJ164599 là phương tiện gây án thu giữ của Nguyễn Duy T2. Là vật chứng của 01 vụ trộm cắp tài sản xảy ra tại thành phố T, tỉnh Bình Dương, đã bàn giao cho Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương xử lý.

- 01 thanh kim loại hình trụ màu đen dài 70 cm (kiểu dáng gậy bóng chày), đường kính lớn nhất 05 cm, đường kính nhỏ nhất 02 cm và 01 dao tự chế, phần cán dài 16 cm, phần lưỡi dài 28 cm, bằng kim loại mài sắc 01 cạnh, mũi nhọn. Cơ quan CSĐT Công an Q phát hiện và thu giữ khi khám xét chỗ ở của Đặng Phương T (không phải là công cụ gây án) Cơ quan điều tra Công an Q đã chuyển cho Đội quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an Q xử lý.

- 01 ống tuýp bằng kim loại màu trắng, dài 57 cm, đường kính 3 cm là công cụ gây án thu giữ của Nguyễn Tuấn T1.

- 01 dao tự chế bằng kim loại có lưỡi dài 50 cm, mũi nhọn, cán làm bằng gỗ màu đen dài 17,5 cm là công cụ gây án thu giữ của Lưu Minh V4.

- 01 khẩu súng dạng Rulô màu đen có ổ tiếp đạn loại 06 viên, thân súng có ký hiệu ZP-5, MADE IN CHINA, không có đạn trong ổ tiếp đạn là công cụ gây án thu giữ của Nguyễn Tuấn T1.

- 01 USB nhãn hiệu Kingston lưu giữ video ghi nhận diễn biến của vụ án Gây rối trật tự công cộng ngày 12/9/2022 tại địa chỉ: 5, đường H, Khu phố C, phường T, Quận A. Kèm theo hồ sơ vụ án.

Tại bản án hình sự sơ số 101/2023/HSST ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hoàng M phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Hoàng M** 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/9/2022 đến ngày 01/3/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Đặng Phương T và bị cáo Nguyễn Tuấn T1 cùng mức án 3 năm 6 tháng tù, xử phạt bị cáo Thạch N và bị cáo Nguyễn Duy T2 cùng mức án 3 năm 3 tháng tù, xử phạt bị cáo Lưu Minh V4 3 năm tù; tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 29/6/2023, bị cáo Nguyễn Thị Hoàng M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu, kết luận đối với vụ án: Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị Hoàng M về tội “Gây rối trật tự công cộng” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Tuấn T1 và bị cáo Đặng Phương T là chủ mưu, cầm đầu hai nhóm, còn bị cáo M với vai trò là người giúp sức cho bị cáo Đặng Phương T và do bị cáo T tác động. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo cung cấp tài liệu chứng minh ông nội của bị cáo là liệt sĩ và giấy xác nhận của chính quyền địa phương xác nhận bị cáo thuộc diện gia đình khó khăn, đây là tình tiết giảm nhẹ mới. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm án và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo thống nhất với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nên không có tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin tòa giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc 02 con chưa thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hoàng M làm trong hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai của bị cáo Nguyễn Thị Hoàng M tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm; phù hợp với các chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập được, nên có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 12/9/2022, bị cáo cùng với các bị cáo Đặng Phương T, Thạch N, Nguyễn Duy T2 và người có tên P, T3 và Ú, do bị cáo Đặng Phương T chỉ huy đã có hành vi mang theo hung khí đến tiệm S, số E đường H, tổ D, Khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh để đánh nhau với nhóm của bị cáo Nguyễn Tuấn T1, do bị cáo Nguyễn Tuấn T1 có hành vi khiêu khích, mang hung khí đến đập cửa nhà của bị cáo T. Quá trình đánh nhau, bị cáo Nguyễn Tuấn T1 cầm súng thể thao, bị cáo Lưu Minh V4 cầm dao xông vào đánh với bị cáo và bị cáo Thạch N. Trong lúc các bị cáo đánh nhau thì bị cáo T chở bị cáo Nguyễn Duy T2, V4, Ú, P và T3 cầm hung khí đi đến thì bị cáo T1 và bị cáo Lưu Minh V4 chạy vào tiệm S trốn. Do đánh bị cáo Nguyễn Tuấn T1 không được, nên nhóm của bị cáo Đặng Phương T đứng bên ngoài la hét, chửi mắng và dùng hung khí chặt vào các đồ vật xung quanh của tiệm sửa xe một lúc rồi ra về. Hành vi các bị cáo Nguyễn Thị Thanh M2, Nguyễn Thanh T7, Lưu Minh V4, Đặng Phương T, Thạch N và Nguyễn Duy T2 dùng hung khí đánh nhau, la hét trong khu dân cư giữa đêm khuya, gây mất an ninh trật tự và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh hoạt bình thường của người dân địa phương nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử và kết tội bị cáo Nguyễn Thị Hoàng M cùng với các bị cáo trên về tội “Gây rối trật tự công cộng”, theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Hoàng M, Hội đồng xét xử thấy: Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ việc phía bị cáo Nguyễn Tuấn T1 mang hung khí tìm đánh chồng của bị cáo và đập phá cửa nhà mẹ chồng của bị cáo, làm cho bị cáo bức xúc. Do đó, khi bị cáo T sai bị cáo đi về xem tình hình như thế nào thì bị cáo kêu bị cáo Thạch N đi cùng và sau đó chở bị cáo Thạch N cùng với P và T3 là những người đang ăn nhậu cùng chồng của bị cáo mang theo hung khí đi về đối phó với nhóm bị cáo Nguyễn Tuấn T1. Sau đó bị cáo cùng với các bị cáo Đặng Phương T, Thạch N, Nguyễn Duy T2, P, T3, Ú và

Vũ do bị cáo Trà chỉ h, mang theo hung khí đến đánh nhau với nhóm bị cáo Nguyễn Tuấn T1, gây ra vụ án. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo M mức án thấp hơn mức án của bị cáo Nguyễn Tuấn T1 và bị cáo Đặng Phương T là đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội và vai trò của bị cáo M trong vụ án, là người giúp sức cho bị cáo T. Tuy nhiên, mức án 3 năm 3 tháng tù mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo M là có phần nghiêm khắc, do chỉ mới xem xét những tình tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và hoàn cảnh của bị cáo đang nuôi hai con chưa thành niên mà chưa xét nguyên nhân, điều kiện phạm tội của bị cáo xuất phát từ hành vi trái pháp luật của bị cáo Nguyễn Tuấn T1 và có sự tác động của chồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo M cung cấp tài liệu chứng minh gia đình bị cáo là gia đình có công với nước, cụ thể: Liệt sĩ Nguyễn Huỳnh L là ông nội của bị cáo, thương binh Nguyễn Văn H1 là chú ruột của bị cáo và cung cấp Giấy xác nhận của chính quyền địa phương xác nhận gia đình bị cáo thuộc diện khó khăn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng, do đó kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo M, Hội đồng xét xử thấy: Người chủ mưu, cầm đầu trong vụ án này là bị cáo Nguyễn Tuấn T1 và bị cáo Đặng Phương T, còn bị cáo chỉ là người giúp sức cho bị cáo Đặng Phương T; bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; bị cáo xuất thân trong gia đình có truyền thống cách mạng và ngoài lần phạm tội này thì quá trình sống bị cáo chưa có lần nào vi phạm pháp luật; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và hiện tại là người lao động duy nhất trong gia đình trực tiếp nuôi 02 con nhỏ, đứa lớn sinh năm 2012 và đứa nhỏ sinh năm 2017, nếu bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù thì các con của bị cáo sẽ lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Mặt khác, đối với bị cáo không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù cũng có khả năng tự cải tạo được và việc cho bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hại gì cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo qui định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án có hiệu lực ngày 01/01/2017.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hoàng M. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 101/2023/HSST ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt Nguyễn Thị Hoàng M 03 (Ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 28/8/2023).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hoàng M cho Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo M thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của luật Thi hành án hình sự từ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp hình phạt của Bản án mới theo qui định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về án phí: Bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo.

Nơi nhận :

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP .HCM; (3)
- VKSND Quận 12; (1)
- P. PC27 – CATP; (1)
- Bị cáo; (9)
- THA Quận 12; (1)
- TAND Quận 12; (1)
- Công an Quận 12; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa hình sự, hồ sơ. (25) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hậu

